

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm 1982, nơi ĐKKHKT: Tổ 4, khu 4, Thanh Sơn thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; hiện tạm trú tại: Thôn 2, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh SEO S, sinh năm 1968, nơi cư trú: 625 Jiseong-ri, Mureung-myeon, Muju-gun, Jeollabuk-do, Hàn Quốc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thu H trình bày:*

Chị và anh SEO S quen biết nhau và đã tổ chức đính hôn tại thành phố Hải Phòng. Đến ngày 16 tháng 5 năm 2019, anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó anh SEO S trở về Hàn Quốc. Từ khi anh SEO S trở về Hàn Quốc, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khác biệt về tính cách, văn hóa, quan điểm sống, bất đồng ngôn ngữ. Đến

nay, nhận thấy tình cảm không còn và không còn khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh SEO S.

Về con chung: Chị và anh SEO S không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai của anh SEO S có hợp pháp hóa lãnh sự trình bày:*

Anh và chị Trần Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh trở lại Hàn Quốc. Sau đó anh và chị Hà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, khác biệt về tính cách và quan điểm sống. Từ đó đến nay anh chưa trở lại Việt Nam. Đến nay, do không còn khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên anh và chị Hà thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trần Thu H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thu H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh SEO S. Anh SEO S hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Trần Thu H và anh SEO S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh SEO S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại UBND thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị Trần Thu H và anh SEO S xác định không còn tình cảm và yêu thương nhau và không còn khả năng đoàn tụ. Hiện anh SEO S sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc còn chị Trần Thu H ở Việt Nam. Xét việc chị Trần Thu H và anh SEO S cùng thuận tình ly hôn là tự nguyện do bất đồng về ngôn ngữ, tính cách và quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp quy định tại Điều 55 của

Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thu H và anh SEO S theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh SEO S được ly hôn.
2. Về nuôi con chung và tài sản chung: Chị Trần Thu H và anh SEO S không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0008638 ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thu H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh SEO S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đặng Hồ Điệp**